

Số: 88/2020/QĐST-HNGĐ

Nhà Bè, ngày 12 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 575/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019 về việc “Ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Phường X, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Nghệ Tĩnh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Phường X, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Nghệ Tĩnh.

Tạm trú: Nhà không số, tổ 14, khu phố 7, thị trấn Nhà bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Viết Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Viết Đ thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2011, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nghệ An cấp ngày 11/02/2011).

2.2 Về con chung : Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 26/9/2011 và Nguyễn Đ N, sinh ngày 18/8/2016.

Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Viết Đ thỏa thuận giao hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thủy T và cháu Nguyễn Đ N cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng (Cấp dưỡng nuôi cháu Trúc 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ tháng, cháu Nhân 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ tháng, tổng cộng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/ tháng, việc giao nhận tiền cấp dưỡng được thực hiện trực tiếp với nhau vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2020 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo thỏa thuận, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (HGT) ly hôn: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Viết Đ mỗi người phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng và án phí về cấp dưỡng ông Nguyễn Viết Đ phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Xuân T tự nguyện nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0034693 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Xuân T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè, Tp.HCM;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè, Tp.HCM;
- UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Hạnh